

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN TÂN PHÚ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 495/2023/DS-ST
Ngày: 06-9-2023
V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Hương Giang

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Trần Quang Cảnh
- Ông Lê Ngọc Thanh

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị An Thành – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Diệu Hiền – Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 165/2023/TLST - DS ngày 13 tháng 4 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 250/2023/QĐSTXX-DS ngày 13 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 794/2023/QĐST-DS ngày 08 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Quỹ trợ vốn XX Thành phố Hồ Chí Minh;

Địa chỉ trụ sở: X, Phường T, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo ủy quyền: ông Hoàng Kinh T – sinh năm 1978

Địa chỉ: X, phường Z, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* bà Trần Thị Thu C – sinh năm 1976

Địa chỉ: X, phường Y, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* ông Nguyễn Long Q, sinh năm 1972

Địa chỉ: Z, phường Y, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

(Tại phiên tòa, ông Hoàng Kinh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bà Trần Thị Thu C, ông Nguyễn Long Q vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 31 tháng 3 năm 2023 và tại bản tự khai, các buổi phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Quỹ Trợ vốn xã viên - Hợp tác xã Thành phố Hồ Chí Minh - ông Hoàng Kinh T trình bày:

Ngày 23/9/2017 Quỹ trợ vốn XX Thành phố Hồ Chí Minh – chi nhánh Bình Tân (gọi tắt là quỹ XX – chi nhánh Bình Tân) đã ký hợp đồng liên kết số 099/2017/HĐLK-BT với tổ hợp tác khu phố 2, phường Tân Quý, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh để làm cấp liên nhiệm cho quỹ trợ vốn XX – Chi nhánh Bình Tân, ông Hoàng Cao Đ là người đại diện cho tổ hợp tác khu phố 2, phường Tân Quý ký hợp đồng liên kết với Quỹ trợ vốn XX – Chi nhánh Bình Tân, mục đích hỗ trợ vốn cho các hộ dân thuộc tổ hợp tác khu phố 2, phường Tân Quý, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh để chăn nuôi, sản xuất - kinh doanh – dịch vụ, mua bán nhỏ, ...theo sự giới thiệu và đề nghị của cấp liên nhiệm.

Thông qua hợp đồng này Quỹ trợ vốn XX – Chi nhánh Bình Tân đã tiến hành trợ vốn cho 26 thành viên vào ngày 11/11/2020 (có danh sách ký nhận tiền đính kèm), phương thức trợ vốn: góp hàng tháng, thời hạn trợ vốn: 12 tháng, phí trợ vốn XX: 0,65%/tháng (phí này dùng trang trải chi phí hoạt động nội bộ của quỹ XX – gọi tắt là phí XX), phí hoa hồng cho cấp liên nhiệm: 0,15%/tháng (phí này để cấp liên nhiệm trang trải các chi phí phục vụ cho quá trình thu hồi vốn phí, tiết kiệm cho Quỹ trợ vốn XX - gọi tắt là phí CLN), tiết kiệm bắt buộc là: 1.0%/tháng (khoảng tiết kiệm này được hoàn trả cho thành viên xin trợ vốn khi hoàn tất hợp đồng vay vốn và Quỹ trợ vốn XX không trả lãi tiết kiệm trên số dư tiết kiệm này).

Trong đợt trợ vốn ngày 11/11/2020, bà Trần Thị Thu C đã làm đơn xin trợ vốn và được duyệt trợ vốn số tiền 40.000.000 đồng. Theo kế hoạch thì bà C phải góp hàng tháng là: 4.2000.000 đồng trong 11 tháng đầu, tháng cuối góp 2.440.000 đồng và góp đều cho đến ngày hết hạn hợp đồng là ngày 11/11/2021 nhưng bà Trần Thị Thu C không góp đúng theo kế hoạch ban đầu. Đến ngày 10/03/2023, bà Trần Thị Thu C vẫn chưa hoàn trả hết số nợ cho Quỹ trợ vốn XX, tổng số tiền nợ còn lại là 15.940.000 đồng, bao gồm nợ vốn: 13.060.000 đồng; nợ lãi: 2.880.000 đồng, không tính tiết kiệm còn phải thu. Sau khi khởi kiện ngày 18/05/2023 bà C có chuyển trả cho Quỹ XX số tiền là 8.000.000 đồng. Như vậy, đến ngày 24/5/2023 bà Trần Thị Thu C còn nợ tổng số tiền là 7.940.000 đồng, (trong đó nợ gốc: 5.060.000 đồng; nợ lãi: 2.880.000 đồng)

Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà C thanh toán số tiền nợ là 7.940.000 đồng, thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Đối với ông Nguyễn Long Q là người ký bảo lãnh và cam kết trả nợ vay thay cho bà Trần Thị Thu C trong đơn xin trợ vốn. Do đó nguyên đơn yêu cầu trong trường hợp bà Trần Thị Thu C không trả đầy đủ hoặc không có khả năng trả nợ số tiền nợ trên thì ông Q có nghĩa vụ trả nợ thay cho bà C ngay một lần số tiền nợ còn lại phải thanh toán là 7.940.000 đồng (trong đó nợ gốc: 5.060.000 đồng; nợ lãi: 2.880.000 đồng) cho nguyên đơn.

Nguyên đơn không yêu cầu bà Trần Thị Thu C và ông Nguyễn Long Q phải trả tiền lãi chậm thanh toán kể từ sau ngày khởi kiện cũng như sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Trần Thị Thu C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Long Q dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà Trần Thị Thu C và ông Nguyễn Long Q không nộp cho Tòa án văn bản ghi nhận ý kiến cũng như vắng mặt tại tất cả các lần triệu tập của Tòa án mà không có lý do nên Tòa án không tiến hành hòa giải được vụ án và đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm:

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Quỹ trợ vốn XX - ông Hoàng Kinh T có đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn bà Trần Thị Thu C vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Long Q vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

*Đại diện Viện kiểm sát đã phát biểu ý kiến với nội dung chính như sau:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đều tuân theo đúng pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo nguyên tắc xét xử, thành phần Hội đồng xét xử đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án của Hội đồng xét xử: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào hợp đồng liên kết số 099/2017/HĐLK-BT ngày 23/9/2017; Đơn xin trợ vốn ngày 09/11/2020; Danh sách nhận vốn kèm biên bản giao vốn ngày 11/11/2020 được ký kết giữa Quỹ trợ vốn XX và bà Trần Thị Thu C và đơn khởi kiện ngày 31/03/2023 của nguyên

đơn, Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp Hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: bị đơn bà Trần Thị Thu C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Long Q có nơi cư trú tại phường Tân Quý, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn – Quỹ trợ vốn XX do người đại diện theo ủy quyền - ông Hoàng Kinh T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn – bà Trần Thị Thu C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Long Q đã được Tòa án tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định tại các Điều 171; Điều 177, Điều 179; Điều 196, Điều 208, Điều 220; Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhưng bà C, ông Q đều vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan và không có yêu cầu giải quyết vắng mặt theo quy định. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1, 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

[2.1] Về hình thức và nội dung hợp đồng tín dụng:

Xét Đơn khởi kiện; hợp đồng liên kết số 099/2017/HĐLK-BT ngày 23/9/2017; Đơn xin trợ vốn ngày 09/11/2020; Danh sách nhận vốn kiêm biên bản giao vốn ngày 11/11/2020 được ký kết giữa Quỹ trợ vốn XX và bà Trần Thị Thu C, ông Nguyễn Long Q; Điều lệ Quỹ trợ vốn XX; Lời khai của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn - ông Hoàng Kinh T cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã đủ cơ sở xác định: bà Trần Thị Thu C vay Quỹ trợ vốn XX như trên. Ông Nguyễn Long Q đã ký cam kết trả nợ thay cho bà C như trên.

Hội đồng xét xử xét thấy việc ký kết hợp đồng tín dụng nêu trên giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, hình thức hợp đồng và nội dung thỏa thuận phù hợp và không trái quy định pháp luật, có hiệu lực kể từ thời điểm các bên giao kết hợp đồng theo quy định tại các Điều 385; Điều 398; Điều 463; Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 của Luật các Tổ chức tín dụng.

[2.2] Về thực hiện hợp đồng và nghĩa vụ thanh toán:

Do bà C đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, không trả nợ đúng hạn quy định trong hợp đồng tín dụng, gây khó khăn cho nguyên đơn nên Quỹ trợ vốn XX khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị Thu C có nghĩa vụ thanh toán số tiền còn nợ tính đến ngày 24/5/2023 là: 7.940.000 đồng, (trong đó nợ gốc: 5.060.000 đồng; nợ lãi: 2.880.000 đồng)

Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp theo quy định tại các Điều 351; Điều 357; Điều 466; Điều 468; Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng.

Mặt khác, trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, bà C mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không đến Tòa trình bày ý kiến, cũng không cung cấp chứng cứ chứng minh đã thanh toán nợ cho nguyên đơn. Việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà C thanh toán số nợ trên là có cơ sở, đúng pháp luật, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91; Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Do vậy, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

[2.3] Về yêu cầu đối với nợ lãi:

Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn không yêu cầu tính lãi đối với bị đơn kể từ sau ngày khởi kiện cũng như sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[2.4] Về phương thức và thời hạn thanh toán:

Quỹ trợ vốn XX yêu cầu bà Trần Thị Thu C thanh toán một lần toàn bộ số nợ trên ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Trong trường hợp bà Trần Thị Thu C không trả nợ đầy đủ hoặc không có khả năng trả toàn bộ số nợ trên thì ông Nguyễn Long Q có nghĩa vụ trả nợ thay cho bà Trần Thị Thu C toàn bộ số nợ trên.

Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của nguyên đơn có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 335; Điều 336; Điều 339; Điều 342; Điều 343 Bộ luật Dân sự; Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 21 của Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ngân hàng Nhà nước quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 6; điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bà Trần Thị

Thu C phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm, nguyên đơn quỹ trợ vốn XX không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 171; Điều 177; Điều 179; Điều 196; Điều 208; Điều 220; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 233; Điều 266; Điều 271; Điều 273; Điều Điều 278; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng:

- Điều 335; Điều 336; Điều 339; Điều 342; Điều 343; Điều 351; Điều 357; Điều 385; Điều 398; Điều 463; Điều 466; Điều 468; Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015;.

- Khoản 2 Điều 91; Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng;

- Khoản 2 Điều 21 của Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ngân hàng Nhà nước quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng.

- Luật Phí và Lệ phí năm 2016;

- Điều 6, điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Quỹ Trợ vốn xã viên - Hợp tác xã Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Trần Thị Thu C có nghĩa vụ thanh toán cho Quỹ Trợ vốn xã viên - Hợp tác xã Thành phố Hồ Chí Minh tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 24/5/2023 là: 7.940.000 đồng, (trong đó nợ gốc: 5.060.000 đồng; nợ lãi: 2.880.000 đồng) theo Đơn xin trợ vốn ngày 09/11/2020; Danh sách nhận vốn kiêm biên bản giao vốn ngày 11/11/2020 được ký kết giữa Quỹ trợ vốn XX và bà Trần Thị Thu C.

Trong trường hợp bà Trần Thị Thu C không trả đầy đủ hoặc không có khả năng thanh toán toàn bộ số nợ trên thì ông Nguyễn Long Q có nghĩa vụ thanh toán thay cho bà Trần Thị Thu C số tiền còn nợ tính đến ngày 24/5/2023 là: 7.940.000 đồng, (trong đó nợ gốc: 5.060.000 đồng; nợ lãi: 2.880.000 đồng)

- Về yêu cầu đối với nợ lãi: ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn không yêu cầu tính lãi kể từ sau ngày 31/3/2023 cũng như khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Phương thức và thời hạn thanh toán: một lần, ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trần Thị Thu C phải chịu 397.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Quỹ Trợ vốn xã viên - Hợp tác xã Thành phố Hồ Chí Minh toàn bộ số tiền tạm ứng án 398.500 đồng theo biên lai thu số 0013854 ngày 12/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3- Về quyền kháng cáo, kháng nghị:

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND quận Tân Phú;
- Chi cục THADS Q. Tân Phú;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án;

Trần Hương Giang